TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 195/2022/DS-PT
Ngày 26 tháng 5 năm 2022
Về việc tranh chấp về dân sự
hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Dũng

- Các Thẩm phán: Ông Lê Hồng Nước

Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Tú - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2022 về "*Tranh chấp về dân sự hợp đồng vay tài sản*".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 58/2022/QĐ- PT ngày 28 tháng 02 năm 2022; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 173/TB-TA ngày 26 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1969;

HKTT: Số 480, đường N, Khóm 5, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở: Số 74B, đường L, Khóm 2, Phường 2, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Bà Trần Kim Đ, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 480, đường N, Khóm 5, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Võ Hoàng D, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số 480, đường N, Khóm 5, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng

Tháp.

Chỗ ở: Khách sạn H1, Khóm T, Phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

3.2. Ông Võ Hoàng D, sinh năm 1962 - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Bao bì Khách sạn Võ Hoàng D;

Địa chỉ: Số 480, đường N, Khóm 5, Phường 1, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Ông Trần Hữu T, là nguyên đơn, bà Trần Kim Đ, là bị đơn.

(Ông T và bà Đ có mặt; Ông Võ Hoàng D và ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân Bao bì Khách sạn Võ Hoàng D vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Trần Hữu T trình bày:

Bà Trần Kim Đ và ông Võ Hoàng D là vợ chồng, ông T là em ruột của bà Đ. Trong năm 2018 ông T có cho bà Đ và ông D vay tiền nhiều lần, cụ thể như sau:

- Lần 1: ngày 03/01/2018, ông T cho bà Đ, ông D vay số tiền 600.000.000 đồng, bà Đ có làm biên nhận, ông D không có ký tên vào biên nhận, bà Đ và ông D không có thế chấp tài sản, trong biên nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng, bà Đ chưa trả tiền vốn và tiền lãi của khoản vay này.

- Lần 2: ngày 03/02/2018, ông T cho bà Đ, ông D vay số tiền 500.000.000 đồng, bà Đ có làm biên nhận, ông D không có ký tên vào biên nhận, bà Đ và ông D không có thế chấp tài sản, trong biên nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng, bà Đ chưa trả tiền vốn và tiền lãi của khoản vay này.

- Lần 3: ngày 21/02/2018, ông T cho bà Đ, ông D vay số tiền 300.000.000 đồng, bà Đ có làm biên nhận, ông D không có ký tên vào biên nhận, bà Đ và ông D không có thế chấp tài sản, trong biên nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng, bà Đ, ông D trả lãi 6.000.000 đồng/tháng, đến ngày 21/11/2019 là 126.000.000 đồng, sau đó không trả lãi tiếp cho đến nay.

- Lần 4: ngày 03/3/2018, ông T cho bà Đ, ông D vay số tiền 200.000.000 đồng, bà Đ có làm biên nhận, ông D không có ký tên vào biên nhận, bà Đ và ông D không có thế chấp tài sản, trong biên nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng, bà Đ chưa trả tiền vốn và tiền lãi của khoản vay này.

- Lần 5: ngày 03/4/2018, ông T cho bà Đ, ông D vay số tiền 400.000.000 đồng, bà Đ có làm biên nhận, ông D không có ký tên vào biên nhận, bà Đ và ông D không có thế chấp tài sản, trong biên nhận không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng, bà Đ chưa trả tiền vốn và tiền lãi của khoản vay này.

Đến ngày 21/11/2019, bà Đ và ông D trả được số tiền vốn 300.000.000 đồng. Còn nợ lại số tiền 1.700.000.000 đồng đến nay chưa trả cho ông T.

Trong biên nhận vay tiền ông D không ký tên nhưng có lần ông Dũng trực tiếp nhận tiền vay do ông Thiện giao. Bà Đ, ông D vay tiền của ông T để bổ sung nguồn vốn xây dựng khách sạn H1 tại Khóm T, Phường A, thành phố S và khách sạn Htại số 480, N, Khóm 5, Phường 1, thành phố S. Khách sạn Hvà khách sạn H1 là địa điểm kinh doanh của Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D, do ông Võ Hoàng D đại diện pháp luật. Do đó, ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D phải có trách nhiệm liên đới với bà Đ trả tiền cho ông T.

Ông Trần Hữu T yêu cầu trả số tiền vay như sau:

- Tiền vốn: ngày 03/01/2018 vay 600.000.000 đồng, ngày 03/02/2018 vay 500.000.000 đồng, ngày 03/3/2018 vay 200.000.000 đồng, ngày 03/4/2018 vay 400.000.000 đồng, ngày 21/02/2018 vay 300.000.000 đồng. Tổng cộng 2.000.000.000 đồng – 300.000.000 đồng tiền vốn trả ngày 21/11/2019, còn lại tiền vốn là 1.700.000.000 đồng.

- Tiền lãi:

Tiền lãi của tiền vốn 2.000.000.000 đồng tính từ ngày 03/4/2018 đến ngày 21/11/2019 như sau: 2.000.000.000 đồng x 19 tháng 18 ngày x 0,83%/tháng = 325.360.000 đồng.

Tiền lãi của tiền vốn 1.700.000.000 đồng tính từ 22/11/2019 đến ngày 08/3/2021 như sau: 1.700.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 14 ngày = 218.234.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 325.360.000 đồng + 218.234.000 đồng = 543.594.000 đồng – 126.000.000 đồng (tiền lãi đã nhận), số tiền lãi còn lại là 417.594.000 đồng.

Nay ông Trần Hữu T yêu cầu bà Trần Kim Đ, ông Võ Hoàng D và ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vốn và tiền lãi đến ngày 08/3/2021 là 2.117.594.000 đồng. Ngoài ra, ông T không yêu cầu gì khác.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn bà Trần Kim Đ trình bày: Bà Đ thống nhất với lời trình bày của ông Trần Hữu T, bà có vay tiền của ông T nhiều lần như sau: vào ngày 03/01/2018 vay 600.000.000 đồng, ngày 03/02/2018 vay 500.000.000 đồng, ngày 21/02/2018 vay 300.000.000 đồng, ngày 03/3/2018 vay 200.000.000 đồng, ngày 03/4/2018 vay 400.000.000 đồng. Tổng cộng bà Đ vay 2.000.000.000 đồng. Ngày 21/11/2019, bà Đ trả cho ông T số tiền vốn 300.000.000 đồng, về tiền lãi, bà Đ có trả lãi của khoản vay 300.000.000 đồng ngày 21/02/2018, được 21 tháng với số tiền là 126.000.000 đồng. Đối với khoản vay ngày 03/01/2018, ngày 03/02/2018, ngày 03/3/2018, ngày 03/4/2018 bà Đ chưa trả vốn, không trả lãi cho ông T đến nay.

Đối với ông T yêu cầu ông Võ Hoàng D và ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D phải có trách nhiệm liên đới với bà Đ trả tiền thì bà Đ không đồng ý. Lý do việc vay tiền của ông T là cá nhân của bà Đ, ông D và ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D không liên quan vì không có hợp đồng vay tiền với ông T. Ngoài ra, các

quyền sử dụng đất tại số 480, đường N, Khóm 5, Phường 1, thành phố S và Hẽm số 1, khu 50 căn, Khóm T, Phường A, thành phố S và giấy phép xây dựng nhà, khách sạn do bà đứng tên, bà Đ có làm hợp đồng cho Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D mượn 02 địa điểm trên làm địa điểm kinh doanh nên ông D mới đủ điều kiện đứng tên giấy phép đăng ký kinh doanh khách sạn Hvà Khách sạn H1. Thời hạn cho mượn là 10 năm kể từ ngày 01/01/2019. Do đó, ông T yêu cầu, ông D và ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D liên đới trả tiền là không có cơ sở.

Nay bà Đ không thống nhất cùng với ông Võ Hoàng D và ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vốn và tiền lãi đến ngày 08/3/2021 là 2.117.594.000 đồng. Bà Đ thống nhất trả cho ông T số tiền vốn là 1.700.000.000 đồng, không thống nhất trả tiền lãi, phương thức trả là 10.000.000/tháng, qua dịch Covid thực hiện. Ngoài ra, bà Đ không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Hoàng D và ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D vắng mặt nhưng có văn bản trình bày ý kiến: Ông Võ Hoàng D không có hợp đồng vay tiền với ông T, việc vay mượn tiền là cá nhân của bà Đ. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

Tại quyết định bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố S xét xử:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Hữu T.

Buộc bà Trần Kim Đ trả cho ông Trần Hữu T số tiền vốn vay 1.700.000.000 đồng và tiền lãi là 417.594.000 đồng. Tổng cộng là 2.117.594.000 đồng (Hai tỷ một trăm mười bảy triệu, năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí:

Bà Trần Kim Đ phải chịu 74.352.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Hữu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu liên đới không được chấp nhận, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 38.388.600 đồng theo biên lai số 0008392 ngày 09/10/2020 và 300.000 đồng theo biên lai số 0013639 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S. Sau khi khấu trừ, ông T được nhận lại số tiền 38.388.600 đồng.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên thời hạn, quyền kháng cáo, quyền và nghĩa vụ, thời hiệu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 29/11/2021 ông Trần Hữu T kháng cáo yêu

cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Trần Kim Đ, ông Võ Hoàng D và ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 2.117.594.000 đồng.

Ngày 30/11/2021, bà Trần Kim Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không buộc bà Đ phải trả số tiền lãi 417.594.000 đồng, bà Đ chỉ chấp nhận trả cho ông T số tiền vốn là 1.700.000.000 đồng. Bà Đ xin giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn ông Trần Hữu T thay đổi nội dung kháng cáo chỉ yêu cầu bà Trần Kim Đ, ông Võ Hoàng D có trách nhiệm liên đới trả cho ông T số tiền vốn 1.700.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng, tổng cộng là 2.100.000.000 đồng, không yêu cầu ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D cùng trả.

Bị đơn bà Trần Thị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu T, sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bà Trần Kim Đ, ông Võ Hoàng D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Hữu T số tiền vốn 1.700.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng, tổng cộng là 2.100.000.000 đồng, không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Kim Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Xét đơn kháng cáo của ông Trần Hữu T và bà Trần Kim Đ được nộp trong thời hạn luật định. Căn cứ Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chỉ có ông T và bà Đ có mặt, còn lại những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo luật định.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của ông Trần Hữu T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Trần Kim Đ, ông Võ Hoàng D và Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D liên đới trả cho ông T số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 2.117.594.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông Trần Hữu T thay đổi nội dung kháng cáo chỉ yêu cầu bà Trần Kim Đ, ông Võ Hoàng D liên đới trả cho ông T số tiền vốn 1.700.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng, tổng cộng là 2.100.000.000 đồng, không yêu cầu ông Võ Hoàng D - Chủ Doanh nghiệp tư nhân bao bì khách sạn Võ Hoàng D cùng trả. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu kháng cáo của ông T tại phiên tòa phúc thẩm không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 284 của Bộ luật tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét kháng cáo của bà Trần Kim Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không buộc bà Đ phải trả số tiền lãi 417.594.000 đồng, bà Đ chỉ chấp nhận trả cho ông T số tiền vốn là 1.700.000.000 đồng. Bà Đ xin giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Xét kháng cáo của ông T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc bà Đ, ông D liên đới trả cho ông T số tiền vốn và tiền lãi tổng cộng là 2.100.000.000 đồng.

Về số tiền vốn vay: bà Đ thừa nhận vay của ông T nhiều lần, cụ thể: vào ngày 03/01/2018 vay số tiền 600.000.000 đồng, ngày 03/02/2018 vay số tiền 500.000.000 đồng, ngày 21/02/2018 vay số tiền 300.000.000 đồng, ngày 03/3/2018 vay số tiền 200.000.000 đồng và ngày 03/4/2018 vay số tiền 400.000.000 đồng, tổng cộng là 2.000.000.000 đồng, các lần vay tiền bà Đ có làm biên nhận, có ký tên và viết họ tên. Từ khi vay tiền bà Đ có trả vốn cho ông T 300.000.000 đồng của khoản vay ngày 21/11/2019 và trả tiền lãi được 126.000.000 đồng. Bà Đ đồng ý trả cho ông T tiền vốn vay còn lại 1.700.000.000 đồng. Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: "Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh", việc yêu cầu của ông T là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: các biên nhận vay tiền không ghi lãi suất nhưng ông T và bà Đ thống nhất lãi suất là 2%/tháng, ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 03/4/2018 đến ngày 08/3/2021, với lãi suất là 0,83%/tháng, mức lãi suất ông T yêu cầu phù hợp quy định pháp luật, ông T cũng thống nhất cấn trừ số tiền lãi 126.000.000 đồng cho bà Đ.

- Tiền lãi số tiền vốn vay 2.000.000.000 đồng, tính từ ngày 03/4/2018 đến ngày 21/11/2019 như sau: 2.000.000.000 đồng x 19 tháng 18 ngày x 0,83%/tháng = 325.360.000 đồng.

- Ngày 21/11/2019 bà Đ trả cho ông T 300.000.000 đồng của khoản vay ngày 21/02/2018, số tiền vốn vay còn lại là 1.700.000.000 đồng. Tiền lãi được tính từ ngày 22/11/2019 đến ngày 08/3/2021 như sau: 1.700.000.000 đồng x 0,83%/tháng x 15 tháng 14 ngày = 218.234.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi là 325.360.000 đồng + 218.234.000 đồng = 543.594.000 đồng. Cấn trừ vào số tiền lãi 126.000.000 đồng ông T nhận, số tiền lãi còn lại là 543.594.000 đồng – 126.000.000 đồng = 417.594.000 đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm ông T chỉ nhận tiền lãi 400.000.000 đồng, giảm 17.594.000 đồng là có lợi cho bà Đ, việc giảm tiền lãi của ông T là tự nguyện nên chấp nhận.

[2.3] Về trách nhiệm liên đới: thời điểm bà Đ vay tiền của ông T, bà Đ và ông D là vợ chồng cũng được bà Đ thừa nhận, bà Đ vay tiền của ông T để bổ sung xây dựng khách sạn Hvà trả tiền vật tư xây dựng khách sạn H1, ông D đứng tên giấy phép kinh doanh, mục đích tạo lợi nhuận làm tăng giá trị tài sản chung của gia đình, nhằm thực hiện đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, giấy mượn tài sản ngày 01/01/2019 là sau thời gian bà Đ vay tiền, nên ông D có trách nhiệm liên đới cùng bà Đ trả tiền cho ông T. Tòa án cấp sơ thẩm không buộc ông D có trách nhiệm liên đới cùng bà Đ trả tiền cho ông T là chưa phù hợp.

[3] Xét kháng cáo của bà Đ yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không buộc bà Đ trả số tiền lãi 417.594.000 đồng, bà Đ chỉ chấp nhận trả cho ông T số tiền vốn là 1.700.000.000 đồng và xin giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Các biên nhận vay tiền không ghi lãi suất nhưng ông T và bà Đ thống nhất lãi suất là 2%/tháng, bà Đ cho rằng bị ép buộc ký nhận có lãi suất vào sổ của ông T, nhưng bà không cung cấp được chứng cứ để chứng minh là bị ép buộc, ông T yêu cầu tính lãi từ ngày 03/4/2018 đến ngày 08/3/2021, với lãi suất là 0,83%/tháng, mức lãi suất ông T yêu cầu phù hợp quy định pháp luật, như vừa phân tích trên. Do đó, bà Đ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng không buộc bà Đ trả số tiền lãi 417.594.000 đồng cho ông T là không có căn cứ.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa một phần bản án sơ thẩm buộc bà Đ, ông D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông T tiền vốn 1.700.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.100.000.000 đồng.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp chấp nhận kháng cáo của ông T và không chấp nhận kháng cáo của bà Đ là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí xác định lại cho phù hợp, ông T không phải chịu án phí, bà Đ, ông D phải chịu phí sơ thẩm là 74.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà Đ kháng cáo xin giảm 50% nhưng bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn tiền án phí nên được miễn nộp tiền án phí, ông D cũng là người cao tuổi nhưng không có đơn xin miễn án phí, nên không xem xét. Vì vậy, ông D phải chịu 37.000.000 đồng tiền án phí.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án ông T, bà Đ không phải chịu án phí.

[8] Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 và khoản 2 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 288, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 27 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Hữu T.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trần Kim Đ.

3. Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số: 28/2021/DS-ST ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Toà án nhân dân thành phố S.

4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Hữu T.

Buộc bà Trần Kim Đ, ông Võ Hoàng D phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Trần Hữu T số tiền vốn vay 1.700.000.000 đồng và tiền lãi 400.000.000 đồng. Tổng cộng là 2.100.000.000 đồng (Hai tỷ một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Kim Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Võ Hoàng D phải chịu 37.000.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Trần Hữu T 38.388.600 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0008392 ngày 09/10/2020 và 300.000 đồng theo biên lai số 0013639 ngày 09/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

6. Về phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Trần Hữu T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0000433 ngày 29/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

- Bà Trần Kim Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Trả lại cho bà Đ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp theo biên lai thu số 0000438 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố S.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận*:**
- Phòng GĐ-KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS. (Tú)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Chí Dũng